BỘ TÀI CHÍNH -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 78/2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 203/2014/TT-BTC NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 2014 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỌNG THUỘC ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Nguyên tắc quản lý, xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải tuân theo thời gian, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải kịp thời, công khai, minh bạch, đúng chế độ quy định.

3. Thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này trừ hàng hóa tồn đọng được xác định là hết thời hạn sử dụng, hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, hàng hóa được cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức kinh doanh dịch vụ giám định theo quy định xác định là không còn giá trị sử dụng hoặc không còn khả năng sử dụng phải thực hiện xử lý bằng biện pháp tiêu hủy.

Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng và người vận chuyển chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy hàng hóa. Các chi phí phát sinh thực hiện theo nguyên tắc phân chia chi phí quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

4. Trong quá trình kiểm tra, xác minh hàng hóa tồn đọng, nếu cơ quan hải quan không xác định được tên hàng, thành phần, tính chất, công dụng hoặc chính sách quản lý áp dụng đối với hàng hóa để áp dụng chính sách tương ứng thì yêu cầu trưng cầu giám định hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để xác định và xử lý theo quy định của pháp luật."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Xác định hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ

1. Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ là hàng hóa mà chủ hàng hóa có văn bản thông báo từ bỏ; hàng hóa do người vận chuyển bỏ lại địa bàn hoạt động hải quan và người vận chuyển có văn bản từ bỏ quyền lưu giữ.

2. Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan mà chủ hàng không đến nhận hoặc không có phản hồi trong thời hạn thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Việc xác định chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ tại một số địa bàn hoạt động hải quan đặc thù được thực hiện như sau:

a) Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan:

Chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan;

Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

b) Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử do chủ hàng hóa cung cấp cho chủ hàng hóa đến nhận. Trường hợp quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản hoặc thư điện tử do chủ hàng hóa cung cấp cho chủ hàng hóa. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu;

Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

c) Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người đến nhận hàng hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến, người vận chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết;

Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng

1. Đối với hàng hóa tồn đọng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng về hàng hóa tồn đọng, hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quản lý địa bàn lưu giữ hàng hóa tồn đọng phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Trường hợp thông tin về hàng hóa tồn đọng do doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cung cấp không đầy đủ hoặc cần phải xác minh thêm thì thời gian thực hiện việc thông báo được kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng.

Trường hợp lô hàng hóa tồn đọng có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng qua kiểm tra, xác minh xác định hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì thời điểm cơ quan hải quan thực hiện thông báo tìm chủ hàng được tính từ ngày cơ quan hải quan niêm phong hàng hóa và giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng bảo quản.

2. Việc thông báo về hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan trong thời gian ít nhất 60 ngày;

b) Niêm yết công khai tại trụ sở Chi cục Hải quan khu vực và trụ sở Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quản lý địa bàn lưu giữ hàng hóa tồn đọng trong thời gian ít nhất 60 ngày.

3. Thời hạn để người đến nhận hàng là 60 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu. Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hóa có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thông báo nêu không có người đến nhận hàng, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quản lý địa bàn lưu giữ hàng hóa tồn đọng báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực để xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Các trường hợp không phải thông báo:

a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Cơ quan hải quan xác định được hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có trách nhiệm quyết định thành lập Hội đồng thường trực để xử lý hàng hóa tồn đọng. Thành phần Hội đồng thường trực bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Chi cục Hải quan khu vực;

b) Các thành viên:

b.1) Lãnh đạo bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thuộc Chi cục Hải quan khu vực;

b.2) Lãnh đạo doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng;

b.3) Lãnh đạo Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quản lý địa bàn lưu giữ hàng hóa tồn đọng;

b.4) Đại diện người vận chuyển (trừ trường hợp không xác định được người vận chuyển);

b.5) Đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành của địa phương có liên quan (khi cần thiết).

Căn cứ tình hình thực tế hàng hóa tồn đọng tại địa bàn, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định các thành viên khác của Hội đồng (trong hoặc ngoài ngành hải quan) để đảm bảo Hội đồng hoạt động hiệu quả. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định cụ thể các Phó Chủ tịch Hội đồng trong số các thành viên Hội đồng quy định tại điểm này.

2. Đối với các địa bàn hoạt động hải quan ít phát sinh hàng hóa tồn đọng, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực có thể quyết định thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng cho từng vụ việc. Thời hạn thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng theo vụ việc là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu nơi quản lý địa bàn lưu giữ hàng hóa tồn đọng. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng được sử dụng con dấu của Chi cục Hải quan khu vực để thực hiện nhiệm vụ.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng được phép:

a) Thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng (khi cần thiết);

b) Quyết định việc giao cho thành viên trong Hội đồng thực hiện nhiệm vụ liên quan. Đối với những nhiệm vụ có phát sinh chi phí, việc quyết định giao căn cứ theo nguyên tắc phân định chi phí quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này. Trường hợp các doanh nghiệp có liên quan có đề xuất khác về thỏa thuận phân chia chi phí thì căn vào từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quyết định công việc được giao cho thành viên trong Hội đồng đảm bảo nguyên tắc các nhiệm vụ phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn được giao. Việc phân công, giao việc giữa các thành viên trong Hội đồng phải được lập thành Biên bản;

c) Thuê chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên ngành.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng điều hành và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng không tham dự được thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

2. Hội đồng phải lập biên bản về việc kiểm kê, phân loại, xác định giá, quyết định lựa chọn phương án xử lý hàng hóa tồn đọng, lựa chọn doanh nghiệp đảm nhận tiêu hủy, phân công giám sát tiêu hủy. Việc quyết định về giá và phương án xử lý hàng tồn đọng phải được quá nửa số thành viên của Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của người điều hành phiên họp.

3. Hội đồng quyết định giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển thực hiện việc ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trong quá trình xử lý, tiêu hủy hàng tồn đọng theo quy định. Việc giao cho các doanh nghiệp thực hiện các công việc nêu trên phải được lập thành văn bản hoặc ghi nhận tại Biên bản làm việc của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng.

4. Nội dung chính của Biên bản gồm: Họ, tên, chức danh, đơn vị công tác của những người tham gia xử lý hàng tồn đọng; thời gian, địa điểm tiến hành; kết quả kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng; ý kiến của các thành viên Hội đồng; kết quả biểu quyết của Hội đồng về giá và

phương án xử lý hàng hóa tồn đọng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng; chữ ký của các thành viên Hội đồng."

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm:

a) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng;

b) Quyết định thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng;

c) Quyết định kế hoạch, thời gian thực hiện xử lý hàng hóa tồn đọng;

d) Điều hành các phiên họp của Hội đồng;

đ) Đại diện cho Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng (trừ các nhiệm vụ đã giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển thực hiện); giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng và người vận chuyển thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại Thông tư này;

e) Lập dự toán cho công tác xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Thông tư này.

2. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

3. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển có trách nhiệm:

a) Thực hiện kiểm kê, phân loại, giám định, xác định giá (nếu có), xử lý hàng hóa tồn đọng theo quyết định giao của Hội đồng;

b) Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng theo nguyên tắc sau:

b.1) Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng chịu trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các dịch vụ kinh doanh, khai thác tại cảng, kho, bãi;

b.2) Người vận chuyển chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí còn lại liên quan đến việc xử lý hàng hóa tồn đọng.

Trường hợp doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển có thỏa thuận khác về nguyên tắc phân chia chi phí của từng vụ việc thì gửi đề xuất tới Hội đồng để Hội đồng giao các công việc cần thực hiện theo thỏa thuận đã được thống nhất theo từng vụ việc.

c) Trường hợp không xác định được người vận chuyển thì doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng chịu toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc xử lý hàng tồn đọng;

d) Thời hạn doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển thực hiện các nội dung được Hội đồng xử lý hàng tồn đọng giao là 30 ngày kể từ ngày được giao."

Điều 7. Thay thế một cụm từ của Thông tư số 203/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

1. Thay thế cụm từ "khoản 7 Điều 17 Thông tư này" bằng cụm từ "khoản 2 Điều 42 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP" tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 203/2014/TT-BTC.

2. Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục Hải quan";

3. Thay thế cụm từ "Cục Hải quan" bằng cụm từ "Chi cục Hải quan khu vực";

4. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Hải quan";

5. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan cửa khẩu" bằng cụm từ "Hải quan cửa khẩu";

6. Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan";

7. Thay thế cụm từ "Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố" bằng cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực";

8. Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" bằng cụm từ "Đội trưởng Hải quan".

9. Thay thế cụm từ "Số CMND" bằng cụm từ "Số căn cước công dân".

10. Thay thế cụm từ "Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan" bằng cụm từ "Thông tư số 203/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số ..../2026/TT-BTC" tại các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hàng hóa tồn đọng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà cơ quan có thẩm quyền đã ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân thì tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với hàng hóa tồn đọng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thì được xử lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện một hoặc một số thủ tục để xử lý hàng hóa tồn đọng theo các quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện các bước tiếp theo hoặc từ bước phát sinh vướng mắc không thể tiếp tục thực hiện được theo quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026.

2. Thay thế một số cụm từ tại Thông tư số 66/2025/TT-BTC quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

a) Thay thế cụm từ "quyết định xử lý tài sản" bằng cụm từ "quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản" tại điểm e khoản 4 Điều 7 Thông tư số 66/2025/TT-BTC;

b) Thay thế cụm từ "quyết định phương án xử lý tài sản" bằng cụm từ "quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản" tại điểm g khoản 4 Điều 7 Thông tư số 66/2025/TT-BTC.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trường hợp các cơ quan, đơn vị nêu tại Thông tư này sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động dẫn đến thay đổi tên gọi thì sử dụng theo tên gọi mới của cơ quan, đơn vị đó; trường hợp chuyển giao nhiệm vụ liên quan cho cơ quan, đơn vị mới thì cơ quan, đơn vị mới thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ được chuyển giao./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CHQ (30b).